

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2020

V/v: Tranh chấp Ly hôn và  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Mừng  
2. Bà Phạm Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dụ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2020 về việc: “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn Bít Bả, xã Điền Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.  
Vắng mặt có lý do.

*Bị đơn:* Chị **Vi Thị V**, sinh năm 1993

Trú tại: Bản Ho, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020 và Bản tự khai ngày 05/5/2020 nguyên đơn Phạm Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Vi Thị V đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Điền Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với tại thôn Bít Bả, xã Điền Thượng, huyện Bá Thước, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm, tuy nhiên đến cuối năm 2014 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn

đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và nuôi dạy con cái. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2014, chị Vi Thị V đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa sinh sống. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, từ khi chị V bỏ về xã Hiền Kiệt sinh sống, thì anh chị không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, để anh yên tâm làm ăn và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, anh và chị Vi Thị V có 01 con chung, tên cháu là: Phạm Thị Yến N, sinh ngày 08/8/2013, hiện tại cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và cháu đang ở với bố. Nguyên vọng của anh muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thị Yến N cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị Vi Thị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai và tại phiên tòa, chị Vi Thị V trình bày:***

Về hôn nhân: Chị đã nhận được bản sao đơn khởi kiện của anh H gửi Tòa án, cũng như các tài liệu khác. Anh H trình bày là đúng sự thật, chị và anh H tự do tìm hiểu, yêu đương, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn thì vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, đến cuối năm 2014 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa sinh sống, không ai quan tâm đến ai nữa và sống ly thân từ đó, hiện tại chị không có thai nghén. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xét xử cho ly hôn.

Về con chung: Tại bản tự khai thì chị nhất trí với trình bày trong đơn của anh H, đó là vợ chồng có 01 con chung và chị có nguyện muốn được nuôi con. Nhưng tại phiên tòa, chị đồng ý với ý kiến của anh Hoàn, để cháu Phạm Thị Yến N là con chung của anh chị được ở với bố.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Thống nhất với đề nghị của anh H, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

***Tại bản nguyện vọng của cháu Phạm Thị Yến N:*** Cháu trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bố và ông bà nội, đang theo học tại trường Tiểu học xã Điền Thượng, huyện Bá Thước, nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu muốn được ở với bố.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ

án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Vi Thị V từ khi thụ lý vụ án thì chị luôn có mặt tại địa phương, chị đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đến cuối tháng 5/2020 chị đi làm ăn xa, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và biết được việc cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập nhưng cố tình trốn tránh vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo. Tại phiên tòa hôn nay chị đã chấp hành và có mặt theo giấy triệu tập. Như vậy, Bị đơn đã một phần hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của bị đơn tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng anh H và chị V chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị không ai quan tâm đến ai, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh chị đều có nguyện vọng muốn được ly hôn; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị Vạn có 01 con chung, tên cháu là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 08/8/2013, cháu đang ở với bố, hiện tại cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực, anh H và chị V đều thống nhất giao cháu Phạm Thị Yến N cho anh Phạm Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng và chị V đồng ý, đề nghị HĐXX chấp nhận, khi nào các đương sự có yêu cầu thì giải quyết ở một vụ án khác; Tài sản chung, nợ nần chung: Anh H và chị V không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 55, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 8 điều 26, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn H.

- Về Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn Hoàn và chị Vi Thị V.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Văn H và chị Vi Thị V, đó là: Giao cháu Phạm Thị Yến N, sinh ngày 08/8/2013 cho anh Phạm Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Chị Vi Thị V có quyền đi lại thăm nom

con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Chị Vi Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về anh phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí.
- Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Kiến nghị, đề xuất: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, chị Vi Thị V có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Bản Ho, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh cho các bên đương sự, cũng như VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị Vi Thị V không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị Vi Thị V theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Chị Vi Thị V đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị V đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Văn H vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Phạm Văn H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh Phạm Văn H là Nguyên đơn; chị Vi Thị V là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vi Thị V đã được thông báo thụ lý vụ án, đã có bản tự khai và cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ, nhưng triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đều đã vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương thì chị Vi Thị V vẫn có mặt tại địa phương, nhưng trốn tránh không tham gia tố tụng khi Tòa án triệu tập, đến cuối tháng 5/2020 có đi làm ăn, chưa chuyển khẩu đi đâu và chị đã biết việc Tòa án

thụ lý vụ án giải quyết nhưng chị vẫn cố tình không hợp tác trong giải quyết vụ án. Tại phiên tòa chị có mặt. Do vậy, Bị đơn đã một phần chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và bản khai, lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa thì: Anh Phạm Văn H và chị Vi Thị V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/4/2014 tại UBND xã Điện Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian, đến cuối năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã và anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn tình cảm với nhau, không ai quan đến ai nữa. Việc này đã được chính quyền xã Điện Thượng, huyện Bá Thước xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh Hoàn và chị Vạn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, anh Phạm Văn H nhất quyết xin ly hôn và chị Vi Thị V cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H và chị Vi Thị V.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn H và chị Vi Thị V thống nhất có 01 con chung, tên cháu là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 08/8/2013 hiện tại cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu đang ở với bố, đồng thời cháu Phạm Thị Yến N có nguyện muốn được ở với bố, chị Vi Thị V cũng có nguyện vọng để cháu Phạm Thị Yến N được ở với bố; Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày, cũng như sự phát triển của cháu, nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, là giao cháu Phạm Thị Yến N cho anh Phạm Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng, nên chị Vạn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vi Thị V có quyền yêu cầu đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Phạm Văn H và chị Vi Thị V không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, điều 55, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 điều 24, khoản 8 điều 26, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H và chị Vi Thị V.**

1.1. Về Hôn nhân: Anh Phạm Văn H và chị Vi Thị V thống nhất tự nguyện ly hôn.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự công nhận và thống nhất có 01 con chung, tên cháu là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 08/8/2013. Anh Phạm Văn H và chị Vi Thị V thống nhất giao cháu Phạm Thị Yến N cho anh Phạm Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn H về việc chị Vi Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vi Thị V có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, chị Vi Thị V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có căn cứ pháp luật, anh Phạm Văn H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xét.

**2. Về án phí:** Anh Phạm Văn H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004286 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

**3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Án xử công khai; có mặt Bị đơn, vắng mặt Nguyên đơn. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

### **Nơi nhận:**

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Diên Thượng, H. Bá Thước;
- Nguyên đơn Phạm Văn H;
- Bị đơn Vi Thị V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**